TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 36/2023/HS-ST Ngày 27-9-2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Bà Lê Thị Mai Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 35/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 9 năm 2023 theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số 38/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN VĂN M, sinh ngày 05 tháng 12 năm 1991 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967 và bà Đàm Thị S, sinh năm 1968; bị cáo có vợ là Trần Thị Thu T, sinh năm 1992 và 01 con sinh năm 2016; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; có mặt.

2. PHẠM ĐÌNH A, sinh ngày 20 tháng 10 năm 1974 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề ngH: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình L, sinh năm 1946 (chết năm 2022) và bà Đỗ Thị N, sinh năm 1949; bị cáo có vợ là Ngô Thị Đ, sinh năm 1977 và có 02 con, con thứ nhất sinh năm 1997, con thứ hai sinh năm 2000; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; có mặt.

3. LÊ XUÂN D, sinh ngày 24 tháng 02 năm 1984 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề ngH: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân N, sinh năm 1952 (chết năm 2017) và bà Đàm Thị L, sinh năm 1952; bị cáo có vợ là Nguyễn Phương C, sinh năm 1988 và có 02 con, con thứ nhất sinh năm 2020, con thứ hai sinh năm 2022; tiền sự, tiền án, nhân thân: Không; có mặt.

4. PHẠM VĂN H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1983 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1950 và bà Đàm Thị B, sinh năm 1950; bị cáo chưa có vợ con; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Bị cáo bị xét xử 09 (chín) tháng "Cải tạo không giam giữ" về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" tại bản án số 22/2001/HSST ngày 31/7/2001 của Toà án nhân dân huyện Kiến Thuỵ, thành phố Hải Phòng (đã xoá án tích); có mặt.

5. ĐÀM VĂN Đ, sinh ngày 10 tháng 5 năm 1968 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn N, sinh năm 1939 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1942 (đều đã chết); bị cáo có vợ là Vũ Thị Cúc, sinh năm 1973 và có 02 con, con thứ nhất sinh năm 1994, con thứ hai sinh năm 1999; tiền sự: Không; tiền án: Có 01 tiền án, tại bản án số 64/2012/HSST ngày 23/5/2012 của Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Tổ chức đánh bạc" (chưa xoá án tích); nhân thân: Bị cáo bị xét xử 06 (sáu) tháng tù về tội "Đánh bạc" tại bản án số 25/2003/HSST ngày 27/8/2003 của Toà án nhân dân huyện Kiến Thuỵ, thành phố Hải Phòng (đã xoá án tích); có mặt.

05 bị cáo cùng bị tạm giữ từ ngày 23/6/2023 đến ngày 27/6/2023 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú".

Người làm chứng: Ông Hoàng Đình Đ; vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 23/6/2023, Đàm Văn Đ, Phạm Văn H, Lê Xuân D đến nhà của Nguyễn Văn M ở tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, Hải Phòng ngồi chơi, uống nước tại phòng khách. M gọi điện thoại nói Phạm Đình A đến uống nước cùng ông Hoàng Đình Đ, sinh năm 1967, là hàng xóm với M. Tại đây, D nhìn thấy có 02 bộ bài chắn đặt trên 01 đĩa bằng sứ để dưới gầm bàn uống nước, D nói với H, Đình A, Đ về ý Đ đánh chắn, được thua bằng tiền, cả nhóm đồng ý. H cầm 01 đĩa sứ có 02 bộ bài rồi cùng cả nhóm đi vào phòng ngủ của M để đánh chắn. Đình A lấy 01 chăn để trên giường của M trải xuống nền nhà và bảo M chia bài cho mọi người chơi, cả nhóm cùng thống nhất cách chơi như sau: M dùng 02 bộ bài chắn để chia cho D, H, Đình A, Đ đánh chắn, ông Đ chỉ ngồi xem, không tham gia. Mỗi bộ bài được chia thành 05 phần, bài được chia để vào

đĩa cho mỗi người một phần, phần còn lại để làm "bài tẩy" cho mọi người bốc trong ván bài, mỗi người chơi được chia 19 lá bài. Người thắng ván trước sẽ bốc bài xem ai là người đánh trước. Người đánh trước sẽ được bốc thêm 01 lá bài thành tổng 20 lá bài. Lần lượt mọi người chơi sẽ bốc bài và đánh bài theo hướng ngược chiều kim đồng hồ. Trong mỗi ván bài, người nào có bài "Ù" được là người thắng, những người còn lại sẽ trả cho người thắng số tiền như sau: "Ù xuông" 30.000 đồng, "Ù thông" 40.000 đồng, "Bạch thủ ù chi" 300.000 đồng. Sau mỗi ván, khi bài của người thắng có số tiền thắng của mỗi người còn lại từ 100.000 đồng trở lên thì người thắng phải bỏ ra 10.000 đồng (gọi là tiền hồ) cho M, do M chia bài. Cả nhóm chơi bài đến khoảng 13 giờ 10 cùng ngày, M đang chia bài cho Đình A, Đ, D, H đánh chắn thì bị Tổ công tác Công an quận Đồ Sơn phát hiện, lập biên bản bắt quả tang cùng vật chứng, đưa cả nhóm cùng ông Đ về trụ sở Công an quận Đồ Sơn làm việc.

Về vật chứng: Thu giữ tổng số tiền 9.410.000 đồng, trong đó có 9.330.000 đồng thu tại vị trí dưới chân, phía trước mặt nơi mỗi bị cáo ngồi đánh bạc (gồm Đình A 4.850.000 đồng, Đ 2.150.000 đồng, D 1.950.000 đồng, H 380.000 đồng dùng để đánh bạc) và 80.000 đồng tiền M thu hồ từ việc chia bài; 01 đĩa bằng sứ; 01 chăn và 02 bộ bài chắn (mỗi bộ 100 lá bài), đều đã qua sử dụng. Chuyển Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn quản lý theo uỷ nhiệm chi và biên bản giao nhận cùng ngày 08/9/2023.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận toàn bộ về thời gian, địa điểm, diễn biến hành vi các bị cáo cùng nhau thống nhất việc đánh chắn, được thua bằng tiền tại nhà bị cáo M, các vấn đề có liên quan như nội dung vụ án đã nêu và khai: Khi bắt đầu đánh bài, Đình A có 3.950.000 đồng, D có 2.160.000 đồng, Đ có 2.000.000 đồng, H có 1.300.000 đồng. Đến khi bị bắt, Đình A thắng 900.000 đồng; D thua 210.000 đồng; Đ thắng 150.000 đồng; H thua 920.000 đồng. M thu tiền hồ 80.000 đồng từ việc chia bài.

Tại giai đoạn điều tra, người làm chứng - ông Đ khai nhận: Phù hợp với lời khai của các bị cáo về thời gian, địa điểm, số người tham gia, tổng số tiền thu giữ của các bị cáo dùng để thực hiện hành vi đánh chắn, được thua bằng tiền tại nhà bị cáo M và khai ông là hàng xóm ở gần nhà M, chỉ ngồi xem, không tham gia đánh bạc, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 37/CT-VKSKT ngày 07/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố bị cáo Nguyễn Văn M cùng 04 đồng phạm đều về tội "Đánh bạc" theo quy Đ tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ về thời gian, địa điểm, người khởi xướng để các bị cáo cùng thực hiện hành vi chơi bài bằng hình thức đánh "Chắn", được thua bằng tiền, số tiền bỏ ra khi bắt đầu chơi bài, số tiền được, thua tính đến khi bị bắt và các vấn đề khác có liên quan và còn khai: 05 bị cáo đều làm lao động tự do, thu nhập không ổn Đ; các bị cáo Đình A, H có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết Đ khung, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân,

vai trò của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng; luận tội, đề xuất về mức hình phạt, xử lý vật chứng, các vấn đề khác cần phải giải quyết trong vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 38, 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Đàm Văn Đ từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Đánh bạc", trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 23/6/2023 đến ngày 27/6/2023 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 36, 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Lê Xuân D, Nguyễn Văn M, mỗi bị cáo từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 36, 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Văn H từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc".

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 36, 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Phạm Đình A từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc".

Trừ cho mỗi bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 23/6/2023 đến ngày 27/6/2023 vào thời hạn chấp hành hình phạt. Quy đổi 01 (một) ngày tạm giữ bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Đình A, M, D, H tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được Quyết Đ thi hành án.

- Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Do các bị cáo không có việc làm ổn Đ, thu nhập thấp, bản thân các bị cáo và gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo Đình A, M, D, H. Các bị cáo M, D, Đình A, H phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy Đ tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 9.410.000 đồng các bị cáo dùng vào việc đánh bạc, thu lời bất chính từ việc đánh bạc mà có; tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa bằng sứ; 01 chăn và 02 bộ bài chắn (mỗi bộ 100 lá bài) là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng vào phạm tội. Theo uỷ nhiệm chi và biên bản giao nhận cùng ngày 08/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn.

- Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Sau khi đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội, các bị cáo không tự bào chữa, không tranh luận, cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy Đ của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết Đ của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết Đ tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Người làm chứng - ông Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, ông Đ đã có lời khai đầy đủ, phù hợp với lời khai của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xác Đ, sự vắng mặt đó không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa theo quy Đ tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tội danh, điều luật áp dụng:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng; sơ đồ, bản ảnh, biên bản xác Đ hiện trường; vật chứng thu giữ cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Khoảng 13 giờ ngày 23/6/2023, tại nhà của Nguyễn Văn M tại tổ dân phố Quý Kim, phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng; M đang thực hiện hành vi chia bài chắn để Đàm Văn Đ, Phạm Văn H, Lê Xuân D, Phạm Đình A dùng 02 bộ bài (mỗi bộ gồm 100 lá bài) và 01 đĩa bằng sứ chơi bài dưới hình thức "đánh chắn", được thua bằng tiền thì bị Tổ công tác Công an quận Đồ Sơn phát hiện, lập biên bản bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền 9.410.000 đồng (trong đó có 9.330.000 đồng Đình A, Đ, D, H dùng để đánh bạc, 80.000 đồng M có được do thu hồ từ việc chia bài). Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy Đ tại Điều 321 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết Đ khung:

[3] Các bị cáo có hành vi dùng 02 bộ bài chắn (mỗi bộ gồm 100 lá bài) và 01 đĩa bằng sứ để đánh bạc dưới hình thức "đánh chắn", được thua bằng tiền với tổng số tiền bị thu giữ 9.410.000đ (chín triệu bốn trăm mười nghìn đồng). Vì vậy, Viện Kiểm sát truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" với tình tiết Đ khung *"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ...,"* theo quy Đ tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4] Bị cáo Đ bị xét xử 01 lần về tội "Đánh bạc", đã được xoá án tích và có 01 tiền án về tội "Tổ chức đánh bạc", chưa được xoá án tích; lần này tiếp tục phạm tội "Đánh bạc", nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng "Tái phạm" theo quy Đ tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H bị xét xử 01 lần về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", đã được xoá án tích; các bị cáo M, Đình A, D đều chưa có tiền sự, tiền án; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Do đó, cần xử phạt các bị cáo với mức hình phạt tương tương xứng với tính chất, mức độ, vai trò đồng phạm khi thực hiện hành vi phạm tội của mỗi bị cáo.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5] Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, 05 bị cáo đều "*Thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải"* nên cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy Đ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự*;* các bị cáo M, Đình A, D phạm tội lần này là *"Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"* nên cùng được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy Đ tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đình A, bị cáo H có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự nên đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy Đ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đánh giá vai trò của mỗi bị cáo:

[6] Bị cáo M là chủ nhà, đồng ý cho các bị cáo đánh bạc để thu tiền hồ; bị cáo D khởi xướng việc đánh bạc, các bị cáo khác cùng đồng ý luôn, không hẹn nhau, không có sự bàn bạc, phân công người cảnh giới, người chia bài, không chuẩn bị công cụ từ trước nên xác Đ đây là vụ án có đồng phạm giản đơn. Hành vi phạm tội của 05 bị cáo thuộc loại tội phạm ít nghiêm trọng.

[6.1] Bị cáo Đ bị xét xử 01 lần về tội "Đánh bạc", đã được xoá án tích và có 01 tiền án về tội "Tổ chức đánh bạc", chưa được xoá án tích, lần này tiếp tục phạm tội "Đánh bạc", phải chịu 01 tình tiết tăng nặng "Tái phạm". Thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, không chấp hành pháp luật;

[6.2] Bị cáo H bị xét xử 01 lần về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", đã được xoá án tích, H dùng số tiền đánh bạc ít nhất. Các bị cáo M, D, Đình A phạm tội lần này là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đều thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng;

các bị cáo M, D, Đình A, H cùng có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6.3] Xác định loại hình phạt: Cần cách ly bị cáo Đ ra khỏi xã hội một thời gian, áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung; cho các bị cáo M, D, Đình A, H được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung. Các bị cáo M, D phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt cao hơn các bị cáo còn lại; bị cáo Đình A sử dụng số tiền nhiều nhất để đánh bạc, đồng phạm với vai trò tích cực hơn nên phải chịu trách nhiệm hình sự với mức hình phạt cao hơn các bị cáo Đ, H.

- Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập:

[7] Theo quy định tại khoản 3 Điều 36; khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn có thể bị phạt tiền, khấu trừ thu nhập hàng tháng. Xét thực tế, các bị cáo đều làm lao động tự do, thu nhập thấp, không ổn Đ, không có tài sản riêng có giá trị, không có nguồn thu nào khác nên không phạt tiền đối với các bị cáo, miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với các bị cáo M, D, Đình A, H. Các bị cáo M, D, Đình A, H phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy Đ tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

[8] Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 9.410.000 đồng; tịch thu tiêu hủy: 01 đĩa bằng sứ; 01 chăn và 02 bộ bài chắn (mỗi bộ 100 lá bài) các bị cáo dùng vào việc phạm tội theo uỷ nhiệm chi và biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn.

- Về án phí:

[9] Các bị cáo đều phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[10] Các vấn đề khác: Những tình tiết có liên quan trong vụ án như đã nêu ở phần nội dung vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an quận Đồ Sơn không xử lý đối với hành vi ông Đ ngồi xem các bị cáo đánh bạc do chưa đến mức độ phải xử lý là phù hợp, có căn cứ. Nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Về hình phạt chính:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; các điều 38, 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

Đàm Văn Đ 12 (mười hai) tháng tù về tội "Đánh bạc". Trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 23/6/2023 đến ngày 27/6/2023 vào thời hạn chấp hành

hình phạt tù. Quy đổi 01 (một) ngày tạm giữ bằng 01 (một) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; các điều 36, 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo:

Nguyễn Văn M, Lê Xuân D, mỗi bị cáo 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc"; trừ cho mỗi bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 23/6/2023 đến ngày 27/6/2023 vào thời hạn chấp hành hình phạt; quy đổi 01 (một) ngày tạm giữ bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Mỗi bị cáo còn phải chấp hành 14 (mười bốn) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 36, 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

Phạm Đình A 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc"; trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 23/6/2023 đến ngày 27/6/2023 vào thời hạn chấp hành hình phạt; quy đổi 01 (một) ngày tạm giữ bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 36, 17, 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

Phạm Văn H 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc"; trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 23/6/2023 đến ngày 27/6/2023 vào thời hạn chấp hành hình phạt; quy đổi 01 (một) ngày tạm giữ bằng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 18 (mười tám) ngày cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ của M, D, Đình A, H tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được Quyết Đ thi hành án. Giao M, D, Đình A, H cho Uỷ ban nhân dân phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy Đ tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự như sau: Người chấp hành án có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy Đ tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy Đ của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 30 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian chấp hành án, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ Đ của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó. Người chấp hành án khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Uỷ ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Uỷ ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người chấp hành án

khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Uỷ ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Uỷ ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Uỷ ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc trong quân đội thực hiện theo quy Đ tại Điều 68 của Luật này. Người chấp hành án không được xuất cảnh trong thời gian chấp hành án.

- Về hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập: Không phạt tiền đối với các bị cáo, miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo M, D, Đình A, H. Các bị cáo M, D, Đình A, H phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy Đ tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 9.410.000đ (chín triệu bốn trăm mười nghìn đồng); tịch thu tiêu hủy 01 đĩa bằng sứ, 01 chăn, 02 bộ bài chắn (mỗi bộ 100 lá bài) theo uỷ nhiệm chi và biên bản giao, nhận vật chứng cùng ngày 08/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn.

- Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Mỗi bị cáo đều phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy Đ tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng;
- Trại giam Hải Phòng;
- Công an quận Đồ Sơn + Phòng PV 06 - CAHP ;
- CQ THAHS Công an cấp huyện + Phòng PC 10 -

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

CAHP;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn + Sở Tư pháp HP;
- UBND phường Hợp Đức, quận Đồ Sơn, HP;
- Các bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

Nguyễn Đức Hoàng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng